



Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam
Vietnam Pepper Association

Head office: 135A Pasteur. Dist. 3 Ho Chi Minh City
Tel: (84-28) 38.237.288 – 38.223.901. Fax: (84-28) 38.223.901
Email: vpa@peppervietnam.com Website: www.peppervietnam.com

BẢN TIN IPC THÁNG 04/2020

DIỄN BIẾN GIÁ

Tháng 4/2020 chỉ số giá cho thấy phản ứng trái chiều. Chỉ số giá tiêu đen đạt 29,21 điểm, tăng 0,09 điểm so với tháng trước. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm 2019, chỉ số giá tiêu đen ghi nhận mức giảm 8%. Trái ngược với chỉ số giá tiêu đen, chỉ số giá tiêu trắng giảm 2,3%, ở mức 30,17 (Bảng 1) so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2019, chỉ số này được báo cáo với mức giảm hơn 16%.

Bảng 1: Chỉ số giá IPC (Giá cơ sở: Trung bình 2011-2015)

Tháng	Tiêu đen	Tiêu trắng
03/2020	29.13	30.87
04/2020	29.21	30.17
04/2019	31.79	35.83

Giá tổng hợp cũng cho thấy những chiều hướng khác nhau trong tháng thứ 4 năm 2020. Với mức tăng 6 USD/tấn so với tháng trước, giá tổng hợp tiêu đen được báo cáo ở mức 2.173 USD/tấn. Giá tổng hợp tiêu trắng giảm đáng kể 72 USD/tấn so với tháng trước và ở mức 3.122 USD/tấn (Bảng 2).

Bảng 2: Giá tiêu đen và tiêu trắng (USD/tấn)

Tháng	Tiêu đen			Tiêu trắng		
	2018	2019	2020	2018	2019	2020
1	3,785	2,642	2,543	5,234	3,959	3,598
2	3,643	2,425	2,211	5,279	3,853	3,320
3	3,241	2,410	2,166	4,867	3,776	3,194
4	3,238	2,365	2,173	4,739	3,708	3,122
5	3,170	2,371		4,745	3,588	
6	3,146	2,604		4,477	3,766	
7	2,827	2,594		4,289	3,775	
8	2,700	2,586		4,150	3,811	
9	2,673	2,534		3,943	3,684	
10	2,781	2,477		4,175	3,668	
11	2,821	2,470		4,219	3,643	
12	2,727	2,505		3,993	3,575	

Giá Hồ tiêu trong tháng thứ 4 năm 2020 cho thấy phản ứng trái chiều trong đó Sri Lanka ghi nhận mức giảm cao nhất. Giá địa phương tiêu đen Ấn Độ được báo cáo với mức tăng 1% so với tháng 3, trung bình ở mức 4.178 USD/tấn (Bảng 3). Tính theo nội tệ, giá địa phương tiêu đen Ấn Độ tăng từ mức trung bình 307 INR/kg trong tháng trước lên 316 INR/kg. Giá tiêu đen Ấn Độ tăng nhẹ có thể là do giá tính theo nội tệ tăng.

Giá tiêu đen Indonesia (tiêu đen Lampung) giảm 2% so với tháng trước, trung bình ở mức 1.530 USD/tấn. Nguyên nhân của sự sụt giảm này có thể là do sự suy yếu của đồng nội tệ

Indonesia so với USD (15.867 IDR/USD) tức giảm 4% so với tháng 3. Tính theo nội tệ, giá tiêu đen Indonesia tăng từ mức trung bình 23.667 IDR/kg trong tháng 3 lên trung bình 24.667 IDR/kg.

Tháng 4/2020, giá địa phương tiêu đen Malaysia giảm 1% so với tháng trước, trung bình ở mức 1.701 USD/tấn. Sự suy yếu của đồng nội tệ Malaysia so với USD có thể là nguyên nhân góp phần khiến giá giảm (4,36 MYR/USD) tức giảm 1% so với tháng 3. Tính theo nội tệ, giá tiêu đen Malaysia được báo cáo ổn định và không thay đổi.

Giá địa phương tiêu đen Việt Nam được báo cáo với mức giảm 1% so với tháng trước, trung bình ở mức 1.594 USD/tấn. Tính theo nội tệ, giá tiêu đen Việt Nam giảm từ mức trung bình 38.477 đồng/kg trong tháng 3 xuống còn 37.881 đồng/kg.

Tiêu đen Sri Lanka ghi nhận mức giảm 6% so với tháng 3 và được giao dịch ở mức trung bình 2.688 USD/tấn. Giá tiêu đen Sri Lanka giảm có thể là do sự suy yếu của đồng nội tệ Sri Lanka so với USD (LKR 193,05/USD) tức giảm 4% so với tháng 3. Tính theo đồng nội tệ, giá tiêu đen Sri Lanka giảm từ mức trung bình 527,82 LKR/kg trong tháng 3 xuống còn 516,83 LKR/Kg.

Bảng 3: Giá địa phương tiêu đen (USD/tấn)

Tuần kết thúc	Malabar UG	Lampung Farm Gate	Sarawak Grade 1	Viet Nam 500 g/l	Sri Lanka
06/03/2020	4,203	1,684	1,767	1,635	2,937
13/03/2020	4,046	1,624	1,745	1,619	2,882
20/03/2020	4,043	1,525	1,698	1,612	2,845
27/03/2020	4,198	1,432	1,691	1,607	2,791
Trung bình	4,123	1,566	1,725	1,618	2,864
03/04/2020	4,219	1,458	1,703	1,577	2,766
10/04/2020	4,177	1,467	1,705	1,577	2,660
17/04/2020	4,159	1,591	1,705	1,594	2,732
24/04/2020	4,155	1,604	1,690	1,628	2,592
Trung bình	4,178	1,530	1,701	1,594	2,688

Giá FOB tiêu đen trong tháng 4/2020 cũng cho thấy phản ứng trái chiều khi chỉ có Ấn Độ và Việt Nam ghi nhận sự gia tăng. Ấn Độ được báo cáo với mức tăng 1% so với tháng 3, trung bình ở mức 4.440 USD/tấn (Bảng 4). Giá FOB tiêu đen Indonesia ghi nhận mức giảm 3% so với tháng 3, trung bình ở mức 1.894 USD/tấn. Giá FOB tiêu đen Malaysia ổn định ở mức trung bình 3.685 USD/tấn. Ngược lại, giá FOB tiêu đen Việt Nam 500 g/l tăng 1% so với tháng trước, trung bình ở mức 2.063 USD/tấn trong khi tiêu đen Việt Nam 550 g/l được báo cáo với mức giảm 1% so với đến tháng trước với mức trung bình 2.093 USD/tấn.

Trong 3 tháng đầu năm 2020, lượng hàng xuất khẩu cho thấy chiều hướng giảm. Ấn Độ ước tính lượng xuất khẩu tiêu đen giảm hơn 2% so với cùng kỳ năm 2019. Xuất khẩu tiêu đen của Indonesia trong cùng kỳ được báo cáo với mức tăng đáng kể 19% so với cùng kỳ năm 2019. Tiêu đen xuất khẩu từ Malaysia trong 3 tháng 2020 giảm 6% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, lượng tiêu đen xuất khẩu của Việt Nam tăng 14% so với cùng kỳ năm 2019.

Bảng 4: Giá FOB tiêu đen (USD/tấn)

Tuần kết thúc	Malabar MG1	Lampung ASTA	Sarawak Grade 1	Viet Nam 500 g/l	Viet Nam 550 g/l
06/03/2020	4,477	2,089	3,685	2,110	2,210
13/03/2020	4,317	2,017	3,685	2,120	2,220
20/03/2020	4,312	1,895	3,685	1,980	2,010
27/03/2020	4,462	1,779	3,685	1,980	2,010
Trung bình	4,392	1,945	3,685	2,048	2,113
03/04/2020	4,484	1,808	3,685	1,980	2,010
10/04/2020	4,440	1,819	3,685	2,050	2,080
17/04/2020	4,421	1,967	3,685	2,090	2,120
24/04/2020	4,416	1,983	3,685	2,130	2,160
Trung bình	4,440	1,894	3,685	2,063	2,093

Giá địa phương tiêu trắng trong tháng 4/2020 cho thấy chiều hướng khá tiêu cực (Bảng 5) khi chỉ có Trung Quốc ghi nhận sự gia tăng. Tiêu trắng Muntok Indonesia được báo cáo với mức giảm đáng kể 6% so với tháng trước với mức trung bình 2.692 USD/tấn. Tính theo nội tệ, giá tiêu trắng Muntok ở mức trung bình 43.214 IDR/kg, giảm nhẹ 24 IDR/kg so với tháng trước. Do đó, có thể kết luận rằng yếu tố chính khiến giá giảm là do sự suy yếu của đồng Rupiah Indonesia USD. Giá địa phương tiêu trắng Malaysia cũng được báo cáo với mức giảm 1% so với tháng 3 và ở mức trung bình 3.052 USD/tấn. Tiêu trắng Việt Nam ghi nhận mức giảm 1% so với tháng trước, trung bình ở mức 2.385 USD/tấn. Trái ngược với quốc gia sản xuất khác, tiêu trắng Trung Quốc tăng 1% so với tháng trước và được giao dịch ở mức trung bình 4.248 USD/tấn.

Bảng 5: Giá địa phương tiêu trắng (USD/tấn)

Tuần kết thúc	Indonesia	Malaysia	Viet Nam	China
			630 g/l	(Hainan)
06/03/2020	3,053	3,172	2,410	4,175
13/03/2020	3,005	3,131	2,411	4,200
20/03/2020	2,791	3,047	2,408	4,215
27/03/2020	2,620	3,034	2,426	4,200
Trung bình	2,867	3,096	2,414	4,198
03/04/2020	2,612	3,056	2,381	4,214
10/04/2020	2,628	3,059	2,347	4,239
17/04/2020	2,737	3,059	2,381	4,263
24/04/2020	2,791	3,032	2,431	4,275
Trung bình	2,692	3,052	2,385	4,248

Giá FOB tiêu trắng cũng cho thấy chiều hướng khá tiêu cực khi chỉ có Trung Quốc ghi nhận sự gia tăng. Tương tự như giá địa phương, giá FOB tiêu trắng Indonesia trong tháng 4/2020 giảm đáng kể 6% so với tháng 3, trung bình ở mức 3.204 USD/tấn.

Giá FOB tiêu trắng Malaysia tiếp tục ổn định và không thay đổi. Trong khi đó, giá FOB của tiêu trắng Việt Nam ghi nhận mức giảm 2% cao hơn một chút so với tháng trước với mức trung bình 2.993 USD/tấn. Tiêu trắng Trung Quốc tăng 1% so với tháng trước và được giao dịch ở mức trung bình 4.448 USD/tấn (Bảng 6).

Số lượng hàng xuất khẩu tiêu trắng trong 3 tháng đầu năm 2020 cho thấy phản ứng trái chiều theo xu hướng tiêu cực. Lượng tiêu trắng xuất khẩu của Indonesia giảm đáng kể 38% so với cùng kỳ năm 2019. Malaysia cũng báo cáo với mức giảm nhẹ 6% về số lượng lô hàng tiêu trắng so với cùng kỳ năm 2019. Việt Nam là quốc gia sản xuất duy nhất ghi nhận sự gia tăng lượng tiêu trắng xuất khẩu trong 3 tháng đầu năm 2020 với mức tăng 19% so với cùng kỳ năm 2019.

Bảng 6: Giá FOB tiêu trắng (USD/tấn)

Tuần kết thúc	Indonesia	Malaysia	Viet Nam 630 g/l	China (Hainan)
06/03/2020	3,632	5,275	3,210	4,375
13/03/2020	3,575	5,275	3,220	4,400
20/03/2020	3,323	5,275	2,910	4,415
27/03/2020	3,119	5,275	2,910	4,400
Trung bình	3,412	5,275	3,063	4,398
03/04/2020	3,110	5,275	2,910	4,414
10/04/2020	3,129	5,275	2,980	4,439
17/04/2020	3,258	5,275	3,020	4,463
24/04/2020	3,320	5,275	3,060	4,475
Trung bình	3,204	5,275	2,993	4,448

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU HỒ TIÊU CỦA CÁC QUỐC GIA SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019

Xuất khẩu Hồ tiêu thế giới

Từ tháng 7-12/2019, xuất khẩu Hồ tiêu thế giới của các quốc gia sản xuất dao động với tổng số lượng xuất là 197.427 tấn. Ghi nhận mức giảm 24% so với mức nửa năm đầu 2019 với 259.922 tấn (Tham khảo bản tin thị trường tháng 10). Lượng xuất khẩu cao nhất được báo cáo vào tháng 10/2019 với 36.843 tấn trong khi xuất khẩu thấp nhất xảy ra vào tháng 9 chỉ đạt 29.810 tấn. Từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2019 lượng Hồ tiêu xuất khẩu của các quốc gia sản xuất giảm 12% tương đương 30.133 tấn (Bảng 7). Trong 6 tháng cuối 2019, ba quốc gia xuất khẩu Hồ tiêu hàng đầu là Việt Nam với 106.727 tấn chiếm 54% tổng xuất khẩu của thế giới, tiếp theo là Brazil với 41.824 tấn chiếm 21% và Indonesia với 29.240 tấn chiếm 15%.

Việt Nam

Nửa năm cuối 2019, Việt Nam đã xuất khẩu 106.727 tấn, trong đó tiêu hạt chiếm 88% tương đương 93.920 tấn và tiêu xay chiếm 12% tương đương 12.807 tấn. Ghi nhận mức giảm đáng kể 40% so với 6 tháng đầu năm. Xuất khẩu Hồ tiêu của Việt Nam dao động trong 6 tháng cuối năm 2019 với mức lượng xuất khẩu trung bình 17.788 tấn/tháng, cao nhất được ghi nhận vào tháng 7 với 23.461 tấn, thấp nhất diễn ra vào tháng 9 với 14.231 tấn. Lượng hàng tăng sau khi kết thúc vụ vào tháng 5 có thể là nguyên nhân làm cho lượng xuất khẩu Hồ tiêu của Việt Nam tăng cao vào tháng 7. Mức tăng cao nhất được ghi nhận vào tháng 10 với 21% tương đương 2.928 tấn so với tháng trước đó. Tháng 12/2019, Việt Nam xuất khẩu 15.936 tấn, ghi nhận mức giảm 32% tương đương 7.525 tấn so với tháng 7. Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong 6 tháng cuối năm 2019 là 257,7 triệu USD, ghi nhận mức giảm đáng kể 43% so với 6 tháng đầu năm.

6 tháng cuối năm 2019, các thị trường chính của Hồ tiêu Việt Nam là Mỹ 22.636 tấn (giảm 15% so với 6 tháng đầu năm), Trung Quốc với 12.056 tấn (giảm 73%) (nhiều giao dịch mậu biên và không có giấy tờ), Ấn Độ với 6.094 tấn (giảm 56%), Đức với 3.843 tấn (giảm 44%) và Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất với 3.563 tấn (giảm 48%).

Brazil

Nửa năm cuối 2019, Brazil đã xuất khẩu 41.824 tấn, trong đó tiêu hạt chiếm 99.9% tương đương 41.786 tấn và tiêu xay chiếm 0,1% tương đương 39 tấn, ghi nhận mức giảm nhẹ 2% so với 6 tháng đầu năm. Hồ tiêu xuất khẩu của Brazil trong kỳ 2 năm 2019 biến động với xu hướng tăng, trung bình ở mức 6.971 tấn/tháng, lượng xuất khẩu cao nhất được ghi nhận vào tháng 10 với 11.119 tấn trong khi thấp nhất diễn ra vào tháng 7 với 3.046 tấn. Xuất khẩu Hồ tiêu của Brazil đạt mức tăng cao nhất vào tháng 9 với 65% tương đương 3.055 tấn so với tháng trước đó. Tháng 12/2019, Brazil đã xuất khẩu 6.754 tấn, tăng 122% tương đương 3.707 tấn so với tháng 7/2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu Hồ tiêu của Brazil trong 6 tháng cuối năm 2019 đạt 86,8 triệu USD, giảm 6% so với 6 tháng đầu năm.

5 quốc gia là điểm đến hàng đầu của Hồ tiêu Brazil trong 6 tháng cuối năm là Việt Nam với 10.076 tấn (tăng 5.548 tấn so với 6 tháng đầu 2019), Đức với 6.940 tấn (tăng 36%), Hoa Kỳ với 3.638 tấn (giảm 26%), Ấn Độ với 2.802 tấn (tăng 36%) và Ai Cập với 2.642 tấn (tăng 1%).

Indonesia

6 tháng cuối năm 2019, tổng lượng xuất khẩu Hồ tiêu của Indonesia là 29.240 tấn, trong đó tiêu hạt chiếm 97% tương đương 28.470 tấn và tiêu xay chiếm 3% tương đương 770 tấn. Ghi nhận mức tăng đáng kể 30% so với 6 tháng đầu năm 2019. Từ tháng 7-12/2019, xuất khẩu Hồ tiêu của Indonesia dao động, trung bình ở mức 4.873 tấn/tháng, cao nhất diễn ra vào tháng 8 với 5.606 tấn và thấp nhất xảy ra vào tháng 12 với 4.539 tấn. Lượng xuất khẩu tăng cao vào tháng 8 có thể là do mùa vụ thu hoạch Hồ tiêu của Indonesia diễn ra từ tháng 8-10. Mức tăng cao nhất được ghi nhận vào tháng 8 với 21% tương đương 977 tấn so với tháng trước đó. Tháng 12/2019, Indonesia xuất khẩu được 4.539 tấn, giảm 2% so với tháng 7/2019, tương đương 90 tấn. Tổng kim ngạch xuất khẩu Hồ tiêu của Indonesia trong 6 tháng cuối năm 2019 là 84,1 triệu USD, tăng 33% so với 6 tháng đầu năm.

5 thị trường hàng đầu của Hồ tiêu Indonesia trong nửa kỳ cuối 2019 là Việt Nam với 9.756 tấn (giảm 17% so kỳ đầu 2019), Trung Quốc với 5.904 tấn (tăng 5.119 tấn), Ấn Độ với 3.595 tấn (tăng 47%), Hoa Kỳ với 2.765 tấn (tăng 27%) và Đức với 1.694 tấn (tăng 1.081 tấn).

Ấn Độ

Nửa kỳ cuối 2019, Ấn Độ đã xuất khẩu 9.408 tấn, bao gồm 43% tiêu hạt tương đương 4.029 tấn và 57% tiêu xay tương đương 5.379 tấn, ghi nhận mức giảm 4% so với nửa kỳ đầu 2019. 6 tháng cuối năm 2019, xuất khẩu Hồ tiêu của Ấn Độ có sự dao động, trung bình đạt 1.568 tấn/tháng, cao nhất vào tháng 10 với 1.913 tấn và thấp nhất vào tháng 12 với 1.292 tấn. Mức tăng cao nhất được ghi nhận vào tháng 10 với 30% tương đương 440 tấn so với tháng trước đó. Tháng 12/2019, xuất khẩu Hồ tiêu của Ấn Độ đạt 1.292 tấn, ghi nhận mức giảm 26% tương đương 443 tấn so với tháng 7/2019. Kim ngạch xuất khẩu Hồ tiêu của Ấn Độ trong kỳ 2 năm 2019 đạt 36.0 triệu USD, giảm 17% so với kỳ 1.

Trong 6 tháng cuối năm 2019, Hồ tiêu Ấn Độ xuất đi 5 quốc gia hàng đầu là Hoa Kỳ với 3.472 tấn (giảm 4% so với 6 tháng đầu năm 2019), Anh với 685 tấn (giảm 3%), Canada với 581 tấn (tăng 35%), Thụy Điển với 453 tấn (giảm 9%) và Tây Ban Nha với 348 tấn (giảm 52%).

Malaysia

Trong kỳ 2 năm 2019, Malaysia đã xuất khẩu được 5.707 tấn tiêu, trong đó tiêu hạt chiếm 88% tương đương 5.030 tấn và tiêu hạt chiếm 12% tương đương 677 tấn. Ghi nhận mức tăng 37% so với kỳ 1 năm 2019. Xuất khẩu Hồ tiêu của Malaysia dao động trong 6 tháng cuối năm 2019, trung bình ở mức 951 tấn/ tháng, cao nhất được ghi nhận vào tháng 8 với 1.131 tấn trong khi thấp nhất diễn ra vào tháng 9 với 789 tấn. Xuất khẩu Hồ tiêu của Malaysia vào tháng 10 với 24% tương đương 190 tấn so với tháng trước đó. Tháng 12/2019, Malaysia xuất khẩu được 866 tấn Hồ tiêu, giảm 10% tương đương 99 tấn so với tháng 7/2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu Hồ tiêu của Malaysia trong kỳ 2 năm 2019 đạt 19.4 triệu USD, tăng 24% so với kỳ 1 2019.

5 quốc gia là điểm đến hàng đầu của Hồ tiêu Malaysia trong 6 tháng cuối năm 2019 là Nhật Bản với 2.090 tấn (tăng 39% so với 6 tháng đầu năm 2019), Trung Quốc với 951 tấn (giảm 9%), Việt Nam với 690 tấn (tăng 559 tấn), Đài Loan với 674 tấn (tăng 35%) và Hàn Quốc với 487 tấn (tăng 339 tấn).

Madagascar

Trong kỳ 2 năm 2019, Madagascar đã xuất khẩu 2.514 tấn, trong đó bao gồm 99% tiêu hạt tương đương 2.490 tấn và 1% tiêu xay tương đương 24 tấn. Ghi nhận mức tăng 1.333 tấn so với kỳ 1 năm 2019. Xuất khẩu Hồ tiêu của Madagascar trong 6 tháng cuối năm 2019 có sự dao động, trung bình đạt 419 tấn/tháng với mức cao nhất được ghi nhận vào tháng 10 với 620 tấn trong khi thấp nhất xảy ra vào tháng 8 với 301 tấn. Xuất khẩu Hồ tiêu của Madagascar đạt mức tăng cao nhất vào tháng 10 với 74% tương đương 264 tấn so với tháng trước đó. Tháng 12/2019, Madagascar xuất khẩu được 362 tấn Hồ tiêu, giảm 2% tương đương 7 tấn so với tháng 7/2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu Hồ tiêu của Madagascar trong kỳ 2 đạt 4,7 triệu USD, tăng 2,3 triệu USD so với kỳ 1 năm 2019.

Kỳ 2 năm 2019, 5 quốc gia là thị trường hàng đầu của Hồ tiêu Madagascar là Sudan với 289 tấn (tăng 194 tấn so với kỳ 1 năm 2019), Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất với 281 tấn (tăng 77%), Pakistan với 260 tấn (tăng 204 tấn), Ai Cập với 251 tấn (tăng 223 tấn) và Pháp với 237 tấn (tăng 56%).

Trung Quốc

Trong kỳ 2 năm 2019, xuất khẩu Hồ tiêu của Trung Quốc đạt 1.727 tấn, trong đó tiêu hạt chiếm 54% tương đương 935 tấn và tiêu xay chiếm 46% tương đương 792 tấn, ghi nhận mức tăng 80% so với kỳ 1 năm 2019. Xuất khẩu Hồ tiêu của Trung Quốc có sự dao động trong kỳ 2 năm 2019, trung bình đạt 288 tấn/tháng với lượng xuất khẩu cao nhất được ghi nhận vào tháng 8 với 526 tấn và thấp nhất vào tháng 7 với 123 tấn. Mức tăng cao nhất xảy ra vào tháng 8 với 403 tấn so với tháng trước đó. Tháng 12/2019, Trung Quốc đã xuất khẩu 347 tấn Hồ tiêu, ghi nhận mức tăng 224 tấn so với tháng 7/2019. Kim ngạch xuất khẩu Hồ tiêu của Trung Quốc trong kỳ 2 năm 2019 đạt 8,5 triệu USD, tăng 33% so với kỳ 1.

Trong 6 tháng cuối năm 2019, Hồ tiêu của Trung Quốc được xuất đi 5 thị trường chính là Đức với 720 tấn (tăng 615 tấn so với 6 tháng đầu 2019), Triều Tiên với 195 tấn (giảm 39%), Hoa Kỳ với 187 tấn (tăng 48%), Hồng Kông với 171 tấn (tăng 26%) và Úc với 72 tấn (tăng 49 tấn).

Thái Lan

Trong kỳ 2 năm 2019, Thái Lan đã xuất khẩu được 279 tấn Hồ tiêu, trong đó bao gồm 57% tiêu hạt tương đương 158 tấn và 43% tiêu xay tương đương 121 tấn, ghi nhận mức tăng 7% so với kỳ 1 năm 2019. Xuất khẩu Hồ tiêu của Thái Lan trong kỳ 2 năm 2019 có sự dao động, trung bình đạt 47 tấn/tháng với lượng xuất khẩu cao nhất được ghi nhận vào tháng 7 với 74 tấn và thấp nhất vào tháng 11 với 33 tấn. Mức tăng số lượng xuất khẩu cao nhất vào tháng 10 với 70% tương đương 24 tấn so với tháng trước đó. Tháng 12/2019, Thái Lan đã xuất khẩu 37 tấn, ghi nhận mức giảm 49% tương đương 36 tấn so với tháng 7 năm 2019. Kim ngạch xuất khẩu Hồ tiêu của Thái Lan trong 6 tháng cuối năm 2019 đạt 2,3 triệu USD, giảm 6% so với 6 tháng đầu năm.

6 tháng cuối năm 2019, 5 thị trường tiêu thụ Hồ tiêu hàng đầu của Thái Lan là Nam Phi với 127 tấn (tăng 16% 6 tháng đầu năm 2019), Hoa Kỳ với 39 tấn (giảm 22%), Myanmar với 34 tấn (tăng 32 tấn), New Zealand với 10 tấn (tăng 43%) và Hàn Quốc với 8 tấn (tăng 6 tấn).

Bảng 7: Số lượng tiêu hạt xuất khẩu (tháng 7-12/2019)

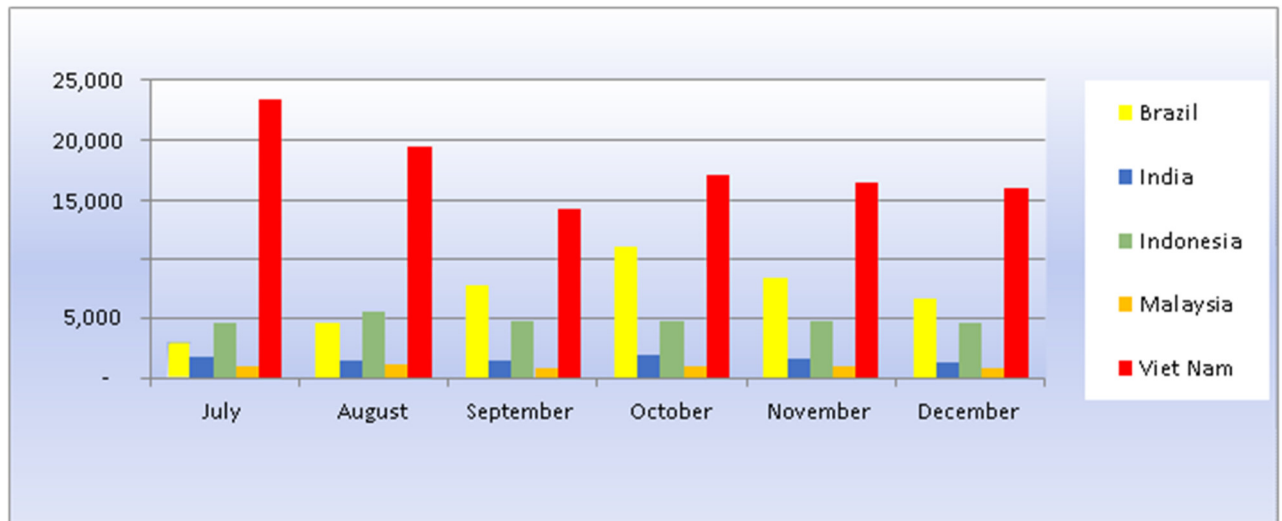
Quốc gia	Tháng 7		Tháng 8		Tháng 9		Tháng 10		Tháng 11		Tháng 12	
	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**
Brazil	3,045	7,051	4,690	10,368	7,743	16,204	11,118	22,521	8,435	16,926	6,753	13,720
Trung Quốc	83	481	445	2,090	142	687	47	199	119	592	99	504
Ấn Độ	638	2,799	712	4,257	650	2,831	824	2,947	575	2,465	629	2,362
Indonesia	4,510	11,906	5,443	17,052	4,783	13,534	4,690	13,352	4,634	12,966	4,410	12,237
Madagascar	370	1,143	301	466	332	718	620	809	504	690	362	868
Malaysia	857	2,839	986	3,158	689	2,066	843	2,331	899	2,514	756	2,125
Thái Lan	29	278	24	232	21	218	38	414	22	238	23	218
Việt Nam	20,646	47,808	17,121	38,844	12,523	29,133	15,100	34,196	14,506	32,204	14,024	31,706
Tổng	30,179	74,305	29,724	76,467	26,884	65,391	33,280	76,769	29,694	68,595	27,057	63,740

Bảng 8: Số lượng tiêu xay xuất khẩu (tháng 7-12/2019)

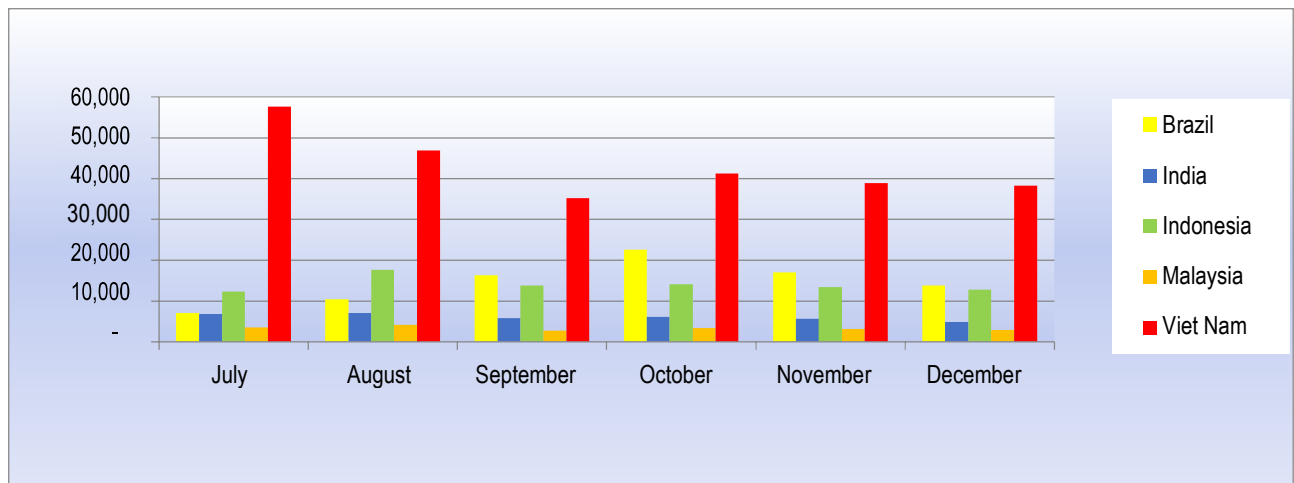
Quốc gia	Tháng 7		Tháng 8		Tháng 9		Tháng 10		Tháng 11		Tháng 12	
	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**
Brazil	1	4	1	9	2	10	1	4	33	29	0	4
Trung Quốc	40	313	81	611	181	705	103	638	139	800	248	928
Ấn Độ	1,096	3,973	730	2,789	823	2,981	1,089	3,079	977	3,107	663	2,504
Indonesia	118	472	163	603	74	276	155	753	131	502	129	516
Madagascar	-	2	-	-	24	38	-	-	-	-	-	-
Malaysia	107	663	145	933	100	662	136	954	79	534	110	709
Thái Lan	45	139	18	139	13	117	20	133	11	107	14	102
Việt Nam	2,815	9,792	2,335	7,956	1,708	5,967	2,059	7,004	1,978	6,596	1,912	6,494
Tổng	4,223	15,358	3,473	13,040	2,926	10,756	3,563	12,564	3,348	11,675	3,077	11,257

*= Tấn ; ** = 1000 USD

Hình 1: Tổng lượng Hồ tiêu xuất khẩu (Tháng 7-12/2019)



Hình 2: Tổng giá trị xuất khẩu (Tháng 7-12/2019)



Nhập khẩu Hồ tiêu toàn cầu trong 6 tháng cuối năm 2019

Nhập khẩu Hồ tiêu của các nước tiêu thụ trong kỳ 2 năm 2019 dao động với tổng lượng nhập khẩu 146.528 tấn, ghi nhận mức tăng 3% so với học kỳ 1 năm 2019. Lượng nhập khẩu cao nhất được ghi nhận vào tháng 10/2019 với 26.716 tấn trong khi nhập khẩu thấp nhất xảy ra vào tháng 8 chỉ với 22.576 tấn. Trong kỳ 2 năm 2019, 5 nhà nhập khẩu Hồ tiêu hàng đầu là Hoa Kỳ với 40.331 tấn chiếm 28% tổng lượng nhập khẩu của thế giới, tiếp theo là Việt Nam với 19.740 tấn chiếm 13%, Đức với 16.977 tấn chiếm 12% từ tổng nhập khẩu thế giới, Ấn Độ với 14.062 tấn chiếm 10% và Hà Lan với 7.189 tấn chiếm 5%. Tuy nhiên, dựa trên dữ liệu từ đối tác của Trung Quốc, Trung Quốc đã nhập khẩu 19.072 Tấn, điều này đưa Trung Quốc trở thành nhà nhập khẩu Hồ tiêu lớn thứ ba trong kỳ 2 năm 2019 chiếm 13% tổng lượng nhập khẩu Hồ tiêu của thế giới.

Hoa Kỳ

Trong kỳ 2 năm 2019, Hoa Kỳ đã nhập khẩu 40.331 tấn Hồ tiêu, trong đó tiêu hạt chiếm 74% tương đương 29.729 tấn và tiêu xay chiếm 26% tương đương 10.602 tấn. Ghi nhận mức giảm 8% so với kỳ 1 năm 2019. 6 tháng cuối năm 2019, nhập khẩu Hồ tiêu của Hoa Kỳ có sự dao động, trung bình đạt 6.722 tấn/tháng với lượng nhập khẩu cao nhất được ghi nhận vào tháng 10 với

7.438 tấn trong khi thấp nhất vào tháng 12 với 5.984 tấn. Mức tăng nhập khẩu Hồ tiêu của Hoa Kỳ xảy ra vào tháng 9 với 7% tương đương 481 tấn so với tháng trước đó. Tháng 12/2019, Hoa Kỳ đã nhập khẩu 5.984 tấn, ghi nhận mức giảm 14% tương đương 956 tấn so với tháng 7/2019. Trong nửa kỳ cuối 2019, Hoa Kỳ đã chi 126 triệu USD cho nhập khẩu Hồ tiêu, giảm 12% so với nửa kỳ đầu.

6 tháng cuối năm 2019, nhập khẩu Hồ tiêu của Hoa Kỳ đến từ nhà cung cấp hàng đầu là Việt Nam với 27.611 tấn (giảm 4% so với 6 tháng đầu năm 2019), Brazil với 4.058 tấn (giảm 37%), Ấn Độ với 3.885 tấn (tăng 13%), Indonesia với 2.550 tấn (giảm 6%) và Ecuador với 1.217 tấn (tăng 706 tấn).

Đức

Trong kỳ 2 năm 2019, Đức đã nhập khẩu 16.977 tấn Hồ tiêu, trong đó bao gồm 92% tiêu hạt tương đương 15.675 tấn và 8% tiêu xay tương đương 1.302 tấn. Do đó, ghi nhận mức tăng 3% so với kỳ 1 năm 2019. Nhập khẩu Hồ tiêu của Đức có sự dao động trong 6 tháng cuối năm 2019, trung bình ở mức 2.830 tấn/tháng với lượng nhập khẩu cao nhất vào tháng 12 đạt 3.058 tấn trong khi thấp nhất vào tháng 9 với 2.640 tấn. Mức tăng nhập khẩu Hồ tiêu cao nhất của Đức xảy ra vào tháng 10 với 11% tương đương 285 tấn so với tháng trước đó. Tháng 12/2019, Đức đã nhập khẩu 3.058 tấn, ghi nhận mức tăng 9% tương đương 250 tấn so với tháng 7/2019. Chi tiêu cho nhập khẩu Hồ tiêu của Đức trong 6 tháng cuối năm 2019 lên đến 52,9 triệu USD, giảm 5% so với 6 tháng đầu năm 2019.

5 quốc gia là nhà cung cấp Hồ tiêu hàng đầu của Đức trong kỳ 2 năm 2019 là Brazil với 7.357 tấn (tăng 5% so với kỳ 1 năm 2019), Việt Nam với 5.694 tấn (giảm 8%), Indonesia với 1.864 tấn (tăng 88%), Campuchia với 770 tấn (tăng 466 tấn) và Ấn Độ với 498 tấn (giảm 29%).

Việt Nam

Trong kỳ 2 năm 2019, Việt Nam đã nhập khẩu 19.740 tấn, trong đó tiêu hạt chiếm 99,6% tương đương 19.661 tấn và tiêu xay chiếm 0,4% tương đương 79 tấn, ghi nhận mức giảm 13% so với kỳ 1 năm 2019. Nhập khẩu Hồ tiêu của Việt Nam trong 6 tháng cuối năm 2019 cho thấy sự biến động ở mức trung bình 3.290 tấn/tháng với lượng nhập khẩu cao nhất được ghi nhận vào tháng 11 với 4.910 tấn trong khi thấp nhất được ghi nhận vào tháng 9 với 1.850 tấn. Mức tăng nhập khẩu Hồ tiêu cao nhất của Việt Nam được ghi nhận vào tháng 10 với 2.085 tấn so với tháng trước đó. Tháng 12/2019, tổng lượng Hồ tiêu nhập khẩu của Việt Nam là 2.810 tấn, giảm 35% tương đương 1.535 tấn so với tháng 7/2019. Chi tiêu cho nhập khẩu Hồ tiêu của Việt Nam ước tính khoảng 43,5 triệu USD trong kỳ 2 năm 2019.

Trong kỳ 2 năm 2019, nguồn nhập khẩu Hồ tiêu của Việt Nam đến từ 5 quốc gia hàng đầu là Indonesia với 12.028 tấn (tăng 8% so với kỳ 1 năm 2019), Brazil với 6.727 tấn (giảm 25%), Campuchia với 574 tấn (giảm 59%), Malaysia với 286 tấn (tăng 77%) và Ấn Độ với 11 tấn (giảm 91%).

Ấn Độ

Trong kỳ 2 năm 2019, Ấn Độ đã nhập khẩu 14.062 tấn Hồ tiêu, trong đó bao gồm 99,7% tiêu hạt tương đương 14.023 tấn và 0,3% tiêu xay tương đương 39 tấn, ghi nhận mức giảm 9% so với kỳ 1 năm 2019. Nhập khẩu Hồ tiêu của Ấn Độ có sự dao động trong kỳ 2 năm 2019, trung bình ở mức 2.344 tấn/tháng với lượng nhập cao nhất được ghi nhận vào tháng 8 với 2.858 tấn trong khi

thấp nhất được ghi nhận vào tháng 12 với 1.863 tấn. Mức tăng nhập khẩu Hồ tiêu cao nhất của Ấn Độ được ghi nhận vào tháng 8 với 39% tương đương 797 tấn so với tháng trước đó. Tháng 12/2019, Ấn Độ đã nhập khẩu 1.863 tấn, giảm 10% tương đương 198 tấn so với tháng 7 năm 2019. Chi tiêu cho nhập khẩu Hồ tiêu của Ấn Độ trong kỳ 2 năm 2019 lên đến 49,1 triệu USD, tăng 10% so với kỳ 1 năm 2019.

Trong 6 tháng cuối năm 2019, 5 quốc gia là nhà cung cấp Hồ tiêu hàng đầu của Ấn Độ là Việt Nam với 4.874 tấn (giảm 41% so 6 tháng đầu năm 2019), Sri Lanka với 3.695 tấn (tăng 2.156 tấn), Indonesia với 3.094 tấn (tăng 4%), Brazil với 1.574 tấn (giảm 28%) và Ecuador với 565 tấn (tăng 57%).

Hà Lan

Trong kỳ 2 năm 2019, Hà Lan ghi nhận tổng lượng Hồ tiêu nhập khẩu là 7.189 tấn, trong đó bao gồm 64% tiêu hạt tương đương 4.620 tấn và 36% tiêu xay tương đương 2.569 tấn, ghi nhận mức giảm 10% so với kỳ 1 năm 2019. Nhập khẩu Hồ tiêu của Hà Lan trong giai đoạn này có sự biến động, trung bình ở mức 1.198 tấn/tháng với lượng cao nhất được ghi nhận vào tháng 7 với 1.647 tấn và thấp nhất là 767 tấn xảy ra vào tháng 9. Nhập khẩu Hồ tiêu của Hà Lan đạt mức tăng cao nhất vào tháng 10 với 80% tương đương 614 tấn so với tháng trước đó. Trong tháng 12/2019, Hà Lan đã nhập khẩu 1.011 tấn Hồ tiêu, giảm 39% tương đương 637 tấn so với tháng 7/2019. Chi tiêu cho nhập khẩu Hồ tiêu của Hà Lan trong kỳ 2 năm 2019 là 25,9 triệu USD, giảm 15% so với kỳ 1.

6 tháng cuối năm 2019, Hồ tiêu nhập khẩu của Hà Lan đến từ các quốc gia hàng đầu là Việt Nam với 3.754 tấn (tăng 4% so với 6 tháng đầu năm 2019), Brazil với 1.242 tấn (giảm 45%), Indonesia với 686 tấn (giảm 18%), Ecuador với 484 tấn (tăng 405 tấn) và Tây Ban Nha với 311 tấn (tăng 10%).

Trung Quốc

Trong nửa cuối năm 2019, Trung Quốc đã nhập khẩu 19.072 tấn Hồ tiêu, giảm 58% (45.838 tấn) so với nửa đầu năm 2019. Nhập khẩu Hồ tiêu của Trung Quốc trong giai đoạn này cho thấy sự biến động, trung bình ở mức 3.179 tấn/tháng, với lượng nhập khẩu cao nhất được ghi nhận vào tháng 7 với 6.746 tấn trong khi thấp nhất xảy ra vào tháng 10 với 1.872 tấn.

Phần lớn Hồ tiêu nhập khẩu của Trung Quốc đến từ Việt Nam với số lượng 12.056 tấn trong kỳ 2 năm 2019, chiếm 63% trong tổng lượng Hồ tiêu nhập khẩu của Trung Quốc. Ghi nhận mức giảm 73% trong tổng lượng Hồ tiêu nhập khẩu từ Việt Nam so với kỳ 1 năm 2019 với 45.467 tấn.

Bảng 9 : Số lượng nhập khẩu tiêu hạt của thế giới từ tháng 7-12/2019

Quốc gia	Tháng 7		Tháng 8		Tháng 9		Tháng 10		Tháng 11		Tháng 12	
	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**
T. Quốc	597	2,262	1,257	4,027	2,562	8,278	1,532	4,484	1,565	4,375	2,006	5,872
Pháp	725	2,748	676	2,859	827	2,868	596	2,479	514	2,274	778	2,995
Đức	2,619	8,294	2,562	7,956	2,514	7,558	2,603	8,594	2,549	7,251	2,828	7,822
Ấn Độ	2,061	6,474	2,858	9,279	2,309	8,438	2,800	11,451	2,149	7,863	1,846	5,353
Nhật	562	2,486	453	2,064	487	2,191	500	1,973	495	2,015	651	2,578
Hàn Quốc	462	1,458	327	1,116	326	960	189	796	190	589	286	900
Hà Lan	984	3,558	703	2,578	418	1,569	923	3,285	877	2,499	715	2,389
Ba Lan	651	1,959	541	1,810	636	2,023	650	1,905	636	1,864	537	1,659

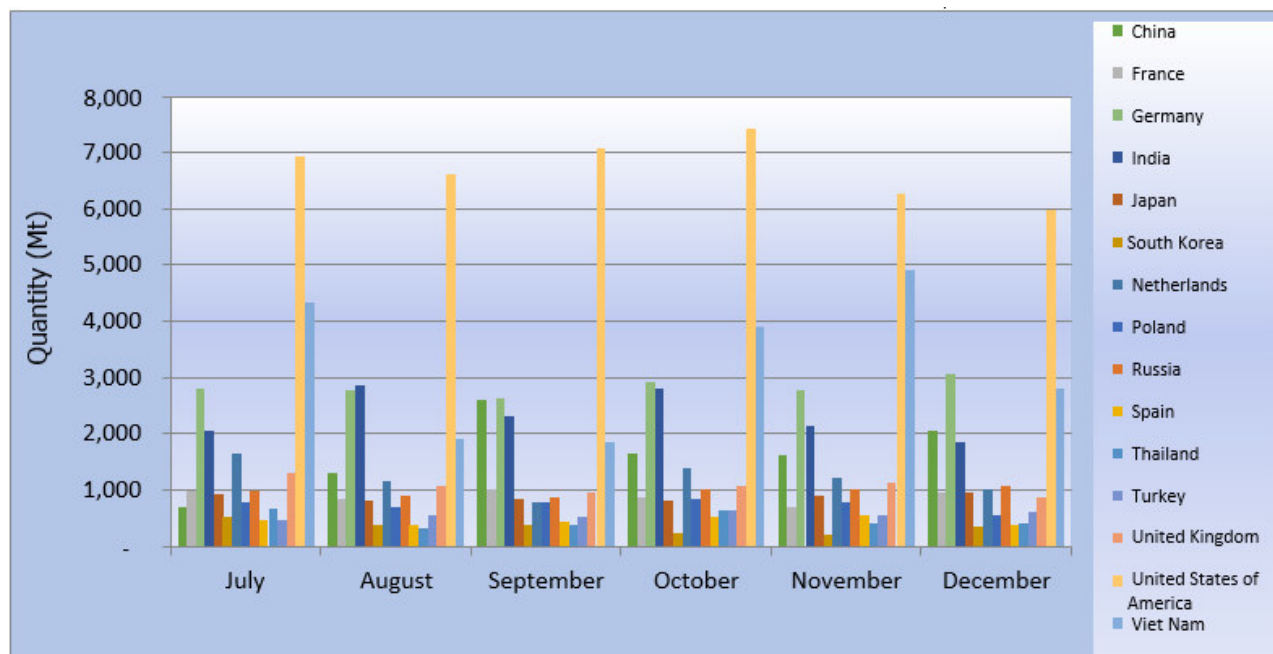
Nga	924	1,993	821	1,978	805	1,937	875	1,976	953	2,130	915	1,953
T.B.Nha	367	1,268	315	1,025	399	1,215	473	1,531	436	1,282	296	856
Thái Lan	520	1,721	242	876	262	874	424	1,448	278	832	297	944
T.N Kỳ	461	831	562	1,163	459	794	592	1,186	496	944	594	952
Anh	486	2,089	250	1,067	408	1,702	362	1,765	486	2,559	367	1,649
Hoa Kỳ	5,324	15,619	4,754	13,784	5,375	15,444	5,554	16,089	4,576	13,285	4,146	12,245
Việt Nam	4,328	4,363	1,909	5,961	1,843	11,132	3,892	10,421	4,890	5,157	2,799	6,037
Tổng	21,071	57,123	18,230	57,543	19,630	66,983	21,965	69,383	21,091	54,919	19,060	54,204

Bảng 10: Số lượng nhập khẩu tiêu xay của thế giới từ tháng 7-12/2019

Quốc gia	Tháng 7		Tháng 8		Tháng 9		Tháng 10		Tháng 11		Tháng 12	
	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**	SL*	G.trị**	SL*	SL*
Trung Quốc	103	540	56	333	44	229	119	561	47	262	63	328
Pháp	265	1,352	169	1,001	180	1,007	264	1,364	186	1,020	170	928
Đức	189	879	200	926	126	622	322	1,172	235	1,019	230	827
Ấn Độ	-	-	-	-	21	141	1	19	-	-	17	90
Nhật Bản	368	1,793	366	1,920	341	1,723	307	1,548	394	1,820	317	1,377
Hàn Quốc	62	317	46	194	47	192	30	113	22	105	56	248
Hà Lan	664	2,626	463	1,750	349	1,394	458	1,589	339	1,454	296	1,229
Ba Lan	119	444	163	657	161	604	182	675	134	554	28	126
Nga	51	210	77	307	69	272	139	352	61	276	150	412
T.B. Nha	106	222	58	285	40	148	55	218	123	301	91	188
Thái Lan	155	799	68	455	120	705	213	1,154	142	804	121	744
T.N. Kỳ	1	9	2	12	66	40	49	19	58	18	21	17
Anh	827	3,677	817	3,403	534	2,431	712	3,553	647	2,831	508	2,472
Hoa Kỳ	1,617	6,176	1,854	7,014	1,713	6,443	1,884	7,013	1,696	6,234	1,839	6,725
Việt Nam	17	53	8	91	7	70	16	179	20	37	11	46
Tổng	4,544	19,097	4,346	18,348	3,818	16,021	4,752	19,529	4,104	16,735	3,918	15,757

*= Tấn ; ** = 1000 USD

Hình 3: Tổng số lượng nhập khẩu (7-12/2019)



Hình 4: Tổng giá trị nhập khẩu Hồ tiêu (tháng 7-12/2019)

